|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD – ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT**  **DƯƠNG QUẢNG HÀM**  Số: /KH-THPTDQH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Văn Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**TRIỂN KHAI CTGDPT 2018 ĐỐI VỚI LỚP 10**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/ 2019 QH 14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH 13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 707 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2021 của Bộ GD –ĐT về việc Ban hành tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 442 /QĐ-BGDĐT ngày28 tháng 01 năm 2022 của Bộ GD –ĐT về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lóp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số: 325/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Sở GD –ĐT Hưng Yên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Đề án NNQG năm 2022;

Căn cứ Công văn số: 370/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Sở GD –ĐT Hưng Yên về việc xây dựng phương án tổ chức dạy học lớp 10 năm học 2022-2023;

Căn cứ thực tế đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường.

Trường THPT Dương Quảng Hàm xây dựng kế hoạch triển khai CTGDPT 2018 đối với lớp 10 năm học 2022- 2023 như sau:

**II. MỤC TIÊU**

Triển khai hiệu quả CTGDPT 2018, phù hợp với điều kiện của nhà trường về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị.

Đảm bảo đáp ứng tối đa nguyện vọng học tập của từng học sinh. Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

  Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

**III. NỘI DUNG**

**1. Chương trình chính khóa lớp 10**

| **TT** | **Môn học** | **Số tiết lớp 10** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | | **HK1** | | **HK2** |
| **Môn học bắt buộc** | | | | | | |
| 1 | Ngữ Văn | 105 | | - LL: 45  - CĐ: 6  - TN: 3 | | - LL: 42  - CĐ: 5  - TN: 4 |
| 2 | Toán | 105 | | - LL: 44  - CĐ: 6  - TN: 4 | | - LL: 42  - CĐ: 4  - TN: 5 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 105 | | - LL: 42  - CĐ: 6  - TN: 6 | | - LL: 40  - CĐ: 6  - TN: 5 |
| 4 | Giáo dục thể chất | 70 | | - LL: 8  - CĐ: 6  - TN: 22 | | - LL: 6  - CĐ: 6  - TN: 22 |
| 5 | Giáo dục quốc phòng và an ninh | 35 | | - LL: 6  - CĐ: 4  - TN: 8 | | - LL: 5  - CĐ: 4  - TN: 8 |
| **Môn học lựa chọn (lựa chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn)** | | | | | | |
| Nhóm môn khoa học xã hội | 6. Lịch sử | 70 | - LL: 28  - CĐ: 6  - TN: 4 | | - LL: 25  - CĐ: 6  - TN: 3 | |
| 7. Địa lý | 70 | - LL: 26  - CĐ: 5  - TN: 5 | | - LL: 26  - CĐ: 5  - TN: 3 | |
| 8. Giáo dục kinh tế và pháp luật | 70 | - LL: 28  - CĐ: 5  - TN: 3 | | - LL: 26  - CĐ: 5  - TN: 3 | |
| Nhóm môn khoa học tự nhiên | 9. Vật lý | 70 | - LL: 27  - CĐ: 5  - TN: 4 | | - LL: 25  - CĐ: 4  - TN: 5 | |
| 10. Hóa học | 70 | - LL: 26  - CĐ: 4  - TN: 6 | | - LL: 26  - CĐ: 4  - TN: 4 | |
| 11. Sinh học | 70 | - LL: 29  - CĐ: 4  - TN: 3 | | - LL: 27  - CĐ: 4  - TN: 3 | |
| Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật | 12.Công nghệ | 70 | - LL: 23  - CĐ: 5  - TN: 8 | | - LL: 22  - CĐ: 6  - TN: 6 | |
| 13. Tin học | 70 | - LL: 19  - CĐ: 5  - TN: 12 | | - LL: 18  - CĐ: 6  - TN: 10 | |
| 14. Âm nhạc | 70 | (Chưa có giáo viên) | | | |
| 15. Mỹ thuật | 70 |
| **Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học)** | | | | | | |
| Cụm chuyên đề Toán | | 35 | - LL: 9  - CĐ: 6  - TN: 3 | | - LL: 8  - CĐ: 5  - TN: 4 | |
| Cụm chuyên đề Ngữ văn | | 35 | - LL: 12  - CĐ: 4  - TN: 2 | | - LL: 11  - CĐ: 3  - TN: 3 | |
| Cụm chuyên đề Lịch sử | | 35 | - LL: 11  - CĐ: 4  - TN: 3 | | - LL: 10  - CĐ: 3  - TN: 4 | |
| Cụm chuyên đề Địa lý | | 35 | - LL: 11  - CĐ: 4  - TN: 3 | | - LL: 10  - CĐ: 3  - TN: 4 | |
| Cụm chuyên đề Giáo dục kinh tế và pháp luật | | 35 | - LL: 11  - CĐ: 4  - TN: 3 | | - LL: 10  - CĐ: 3  - TN: 4 | |
| Cụm chuyên đề Vật lý | | 35 | - LL: 9  - CĐ: 4  - TN: 5 | | - LL: 10  - CĐ: 4  - TN: 3 | |
| Cụm chuyên đề Hóa học | | 35 | - LL: 9  - CĐ: 4  - TN: 5 | | - LL: 10  - CĐ: 4  - TN: 3 | |
| Cụm chuyên đề Sinh học | | 35 | - LL: 9  - CĐ: 4  - TN: 5 | | - LL: 10  - CĐ: 4  - TN: 3 | |
| Hoạt động giáo dục bắt buộc HĐ trải nghiệm, HN | | 105 | - LL: 6  - CĐ: 6  - TN: 42 | | - LL: 5  - CĐ: 6  - TN: 40 | |
| Nội dung giáo dục địa phương | | 35 | - LL: 10  - CĐ: 5  - TN: 3 | | - LL: 10  - CĐ: 3  - TN: 4 | |
| **Môn học tự chọn (không chọn)** | | | | | | |
| Tổng số tiết | | 1015 | 522 | | 493 | |
| Số tiết/tuần (cả năm học) | | 29 | 29 | | 29 | |

**\* Ghi chú:** LL: Số tiết lên lớp; CĐ: Số tiết dạy học theo chủ đề; TN: Số tiết dạy học trải nghiệm.

**2. Xây dựng phương án lựa chọn môn học cho học sinh**

Căn cứ khung chương trình giáo dục hiện hành, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn, căn cứ vào tình hình của nhà trường và đề nghị của các tổ, nhóm chuyên môn, trường THPT Dương Quảng Hàm xây dựng phương án dạy học năm học 2022-2023 như sau:

- Các lớp khối 10 (10 lớp): Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo TT32/2018/TT-BGDĐT.

- Các lớp khối 11, 12 (20 lớp): Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2006.

**\* Quy định thời gian học:** Theo quyết định ban hành khung thời gian năm học của UBND tỉnh Hưng Yên.

Học kì I: Từ ngày 21/8/2022 đến 15/1/2023.

Học kì II: Từ ngày 16/1/2023 đến 30/5/2023.

**\* Các phương án lựa chọn môn học cho khối 10**

Căn cứ vào đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện cụ thể, trường xây dựng các phương án sau cho học sinh lớp 10 lựa chọn:

Tổng số 10 lớp chia thành 2 nhóm lớp.

- Nhóm 1 gồm 6 lớp 10A1, 10A2, 10A3, 10A4, 10A5 ,10A6 học các nhóm môn học sau:

+ Các môn học bắt buộc bao gồm Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, GDTC (học môn cầu lông), Giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Các hoạt động GD bắt buộc bao gồm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương.

+ Các môn học lựa chọn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa, Tin học.

+ Cụm chuyên đề Toán, Vật lí, Hóa học.

- Nhóm 2 có 4lớp 10A6,10A7, 10A8, 10A9, 10A10 học các nhóm môn học sau:

+ Các môn học bắt buộc bao gồm Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, GDTC (học môn bóng đá), Giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Các hoạt động GD bắt buộc bao gồm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương.

+ Các môn học lựa chọn: Lịch sử, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Sinh học, Công nghệ (Công nghệ nông nghiệp).

+ Cụm chuyên đề Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh.

**Môn Âm nhạc và Mĩ thuật chưa có giáo viên nên chưa lựa chọn.**

**Môn Ngoại ngữ 2 hoặc tiếng dân tộc: Không lựa chọn.**

Học kỳ I dạy 18 tuần, học kỳ 2 dạy 17 tuần, mỗi tuần học 6 buổi, mỗi buổi không quá 5 tiết, mỗi tiết 45 phút.

**3. Phân phối chương trình theo từng học kỳ, dự kiến phân công chuyên môn** *(Có phụ lục đính kèm)*

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban giám hiệu**

- Đồng chí Hiệu trưởng Lý Chí Hướng: Phụ trách chung.

- Đồng chí Phó Hiệu trưởng Lê Thị Quỳnh Sen, trưởng Ban chuyên môn: Phụ trách công tác tập huấn chuyên môn, triển khai CTGDPT 2018, công tác lựa chọn sách giáo khoa, công tác xây dựng phương án phân lớp và tổ chức dạy học, công tác giới thiệu giáo viên tham gia giảng dạy khối 10 năm học 2022-2023, công tác giới thiệu giáo viên tham gia hội đồng lựa chọn sách của tỉnh.

- Đồng chí Phó Hiệu trưởng Đỗ Quang Hợp: Phụ trách công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018.

**2. Các đồng chí tổ trưởng các tổ chuyên môn:** Tổ chức cho giáo viên trong tổ mình lựa chọn sách giáo khoa; Định hướng tổ chức sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn hàng tháng ưu tiên chương trình lớp 10.

**3. Các đồng chí giáo viên được dự kiến phân công giảng dạy lớp 10 năm học 2022-2023:** Nghiêm túc nghiên cứu CTGDPT 2018, tham gia tập huấn, lựa chọn sách giáo khoa đầy đủ, tư vấn, giới thiệu các thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học với BGH nhà trường để mua bổ sung; Nghiên cứu kỹ sách giáo khoa đã được lựa chọn để đưa vào giảng dạy.

**4. Các đồng chí giáo viên khác:** Nghiêm túc nghiên cứu CTGDPT 2018 để chuẩn bị cho việc giảng dạy những năm học tiếp theo.

**5. Bộ phận văn phòng, thư viện, thiết bị:** Hỗ trợ các giáo viên giảng dạy thông qua các nhiệm vụ cụ thể được giao.

Trên đây là kế hoạch triển khai CTGDPT 2018 đối với lớp 10 năm học 2022- 2023. Các tổ chuyên môn, giáo viên bô môn có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các thành viên có ý kiến phản ánh kịp thời về BGH để tìm biện pháp khắc phục.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở GD & ĐT Hưng Yên (để b/c);  - Toàn thể CB, GV, NV (để t/h);  - Đăng Website trường;  - Lưu VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **LÝ CHÍ HƯỚNG** |